

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 05/2021/DS-ST
Ngày 05 tháng 02 năm 2021
Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Cảnh Toàn**.

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Lam** và ông **Y Míp Niê**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Mậu Tuân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Đức Bùi** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2020/TLST-DS ngày 02/10/2020, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-DS ngày 12/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-DS ngày 25/01/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Địa chỉ: Số 21 CL, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Hữu Đ – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 5734/UQ-MBAMC ngày 19/8/2020): Ông Nguyễn Xuân A – Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: 37 H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G – sinh năm 1960 và bà Phí Thị M – sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn Y, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn N.

2. Chị Nguyễn Thị L.

3. Anh Nguyễn Văn C.

Địa chỉ: Thôn Y, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh N, anh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2020 và bản tự khai, ông Nguyễn Xuân A trình bày: Ngày 18/3/2019, Ngân hàng TMCP Q và ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M đã cùng ký kết hợp đồng cho vay số 843464.19.342.4929083.TD cùng khế ước nhận nợ như sau: Số HĐ 843464.19.342.4929083.TD, số KUNN LTI19058000096.ST01, mục đích vay đầu tư tài sản cố định, ngày nhận nợ 20/3/2018, lãi suất 11%/ năm, số tiền vay 1.580.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng của ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M (bên vay theo Hợp đồng tín dụng) bao gồm:

Tài sản 1: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, diện tích 9.584 m² tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 35, địa chỉ xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk; Giấy chứng nhận QSD đất số BG 623945, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất số CH00799 do UBND huyện Krông Năng cấp ngày 21/6/2011. Tài sản được thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 843552.19.342.4929083.BĐ ngày 18/3/2019 giữa ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M với MB. Số công chứng 001969, quyền số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD.

Tài sản 2: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, diện tích 18.000 m² tại thửa đất số 101, 132, tờ bản đồ số 35, địa chỉ xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk; Giấy chứng nhận QSD đất số AC 966565, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất số 00106H do UBND huyện Krông Năng cấp ngày 03/5/2006. Tài sản được thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 84348.19.342.4629083.BĐ ngày 18/3/2018 giữa hộ ông Nguyễn Văn G với MB. Số công chứng 001970, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn G và bà Phí Thị M đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kèm theo. Dư nợ tính đến ngày 11/8/2020 là: Nợ gốc 1.580.000.000 đồng + nợ lãi 175.385.503 đồng, tổng cộng: 1.755.385.503 đồng.

MB đã thông báo nhiều lần cho ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm để xử lý theo đúng quy định nhưng ông G, bà M đều không thực hiện theo yêu cầu, có biểu hiện kéo dài và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho MB, bằng đơn này MB khởi kiện ông Nguyễn Văn G và bà Phí Thị M với đề nghị như sau:

1. Buộc ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M phải thanh toán cho MB khoản nợ theo hợp đồng cho vay số 843464.19.342.4929083.TD ngày 18/3/2019 và khế ước nhận nợ kèm theo với số tiền tạm tính đến ngày 11/8/2020 là 1.755.385.503 đồng, trong đó nợ gốc 1.580.000.000 đồng + nợ lãi 175.385.503 đồng.

2. Buộc ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M thanh toán nợ lãi, lãi quá hạn và các khoản phát sinh theo theo lãi suất quá hạn tại hợp đồng cho vay số 843464.19.342.4929083.TD ngày 18/3/2019 và khế ước nhận nợ kèm theo kể từ ngày 12/8/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Kể từ ngày quyết định/ bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông

Nguyễn Văn G và bà Phí Thị M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nợ cho MB thì MB có quyền đề nghị xử lý các tài sản đã thế chấp theo trình tự thi hành án dân sự để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Tại bản tự khai, ông Nguyễn Văn G và bà Phí Thị M trình bày: Ngày 18/3/2019, chúng tôi có ký kết với MB hợp đồng tín dụng số 843464.19.342.4929083.TD để vay số tiền 1.580.000.000 đồng. Số nợ gốc được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 12 tháng, tính vào ngày 25 dương lịch. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 25/3/2020 phải trả 158.000.000 đồng, tuy nhiên đến thời hạn trả của kỳ đầu thì chúng tôi chưa trả được cho MB mà chỉ thanh toán được 95.000.000 đồng tiền lãi.

Nay MB khởi kiện chúng tôi để yêu cầu hoàn trả số tiền 1.580.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 11/8/2020 là 175.385.503 đồng thì chúng tôi chấp nhận.

Do hoàn cảnh khó khăn, chúng tôi không thể trả được khoản nợ trên cho MB nên chúng tôi đề nghị phía MB phát mãi tài sản là QSD đất của diện tích 9.581 m² tại thửa số 200, tờ bản đồ số 35 theo giấy chứng nhận BG 623945 và diện tích 18.000 m² theo thửa số 101, 132 tờ bản đồ số 35, giấy chứng nhận AC 966565 như hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà chúng tôi đã ký với MB để thanh toán nợ cho MB về gốc và lãi suất như đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Tại các bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị L trình bày: Do cần tiền để sản xuất kinh doanh nên gia đình tôi gồm ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M, tôi (Nguyễn Văn N), chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn C có đến MB để làm thủ tục vay tiền số tiền 1.580.000.000 đồng. Để thực hiện việc vay trên, chúng tôi gồm tôi (Nguyễn Văn N), chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn C đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M ký kết hợp đồng vay số tiền 1.580.000.000 đồng. Quá trình vay thì chúng tôi đã được MB giải ngân số tiền trên và để đảm bảo cho khoản vay trên thì chúng tôi có thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BG 623945 mang tên ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M và quyền sử dụng đất số AC 966565 mang tên hộ ông Nguyễn Văn G, cả hai thửa đất đều nằm tại thôn Y – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk.

Hiện nay do điều kiện kinh tế khó khăn, làm ăn không đạt được như ý muốn nên chúng tôi không trả được nợ cho MB mà chỉ mới trả được một phần lãi suất và đã vi phạm thời hạn trả nợ đối với số tiền gốc và tiền lãi cho MB. Nay MB khởi kiện ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M về số tiền 1.755.385.503 đồng, trong đó gốc 1.580.000.000 đồng + lãi suất 175.385.503 đồng thì gia đình chúng tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của MB. Do hiện nay không có khả năng trả nợ nên chúng tôi đồng ý giao toàn bộ tài sản đã thế chấp cho MB để MB xử lý thu hồi nợ và đề nghị MB rút đơn khởi kiện để chúng tôi làm thủ tục bàn giao tài sản cho MB.

Tại phiên tòa, đại diện MB trình bày, trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Nguyễn Văn G và bà Phí Thị M chỉ mới thanh toán cho MB số tiền lãi tính đến ngày 25/9/2019 là 95.000.000 đồng. Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện về số nợ gốc 1.580.000.000 đồng và lãi suất tạm tính đến ngày 05/02/2021 là 309.182.161 đồng (trong đó, lãi 59.805.815 đồng + lãi quá hạn 249.376.346 đồng), tổng cộng là 1.889.182.161 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng phát biểu:

Về tố tụng: Toà án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng và đủ tư cách các đương sự. Tại phiên toà, Thẩm phán điều hành trình tự theo đúng thủ tục, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của MB. Áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 BLDS để buộc ông Nguyễn Văn G và bà Phí Thị M phải trả cho MB số tiền đã vay và nợ, trong đó gốc 1.580.000.000 đồng và lãi suất tạm tính đến ngày 05/02/2021 là 309.182.161 đồng. Ông G, bà M phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 06/02/2021 đến khi trả xong nợ theo mức lãi như hợp đồng đã ký. Sau khi ông G, bà M trả xong nợ thì MB phải trả lại 02 giấy chứng nhận QSD đất cho ông G, bà M; nếu không trả hoặc trả không đủ khi bản án đã có hiệu lực pháp luật thì MB có quyền xử lý các tài sản đã thế chấp theo thủ tục thi hành án dân sự. Về án phí, đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định và hoàn trả cho MB số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào ý kiến của đương sự tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng thương mại cổ phần Q khởi kiện ông Nguyễn Văn G và bà Phí Thị M, về việc phải thanh toán cho ngân hàng khoản nợ theo Hợp đồng vay số 843464.19.342.4929083.TD ngày 18/3/2019. Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Toà án nhân dân huyện Krông Năng.

[1.3] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C mặc dù đã được Tòa án tiến hành thủ tục tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Bị đơn ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn N đã nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tiền nợ gốc: Ngày 18/3/2019, ông Nguyễn Văn G và bà Phí Thị M ký hợp đồng cho vay số 843464.19.342.4929083.TD với ngân hàng MB vay số tiền 1.580.000.000 đồng. Tại giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số LTI19058000096.ST01/... ngày 20/3/2019 thì số tiền đã giải ngân là 1.580.000.000

đồng, mục đích vay đầu tư tài sản cố định vườn cà phê xen canh tiêu. Lãi suất trong hạn, quá hạn được tính theo hợp đồng mà các bên đã ký kết. Phương thức trả nợ gốc chia làm 10 kỳ (mỗi kỳ là 12 tháng) và trả vào ngày 25 của tháng dương lịch cuối cùng của kỳ trả nợ gốc. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là 25/3/2020. Hợp đồng cho vay và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã được ký kết theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật và các bên phải thực hiện. Hợp đồng cho vay và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ là hợp pháp để các bên thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng cũng như đến nay, ông G và bà M chưa trả nợ theo kỳ trả nợ gốc như cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng, giấy khế ước nhận nợ nên vi phạm nghĩa vụ thanh toán (trả nợ gốc theo kỳ) mặc dù đã được Ngân hàng thông báo, nhắc nhở nhiều lần. Khoản nợ gốc của ông G, bà M đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 26/3/2020, lỗi hoàn toàn thuộc về ông G, bà M. Ngân hàng MB yêu cầu ông G, bà M phải hoàn trả số tiền nợ gốc là 1.580.000.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2.2] Về tiền nợ lãi: Khi ký kết hợp đồng cũng như giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay tại ngày giải ngân (ngày 20/3/2019) là 11%/ năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là 20/6/2019... Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M chỉ mới trả được cho MB số tiền 95.000.000 đồng lãi suất tính đến ngày 25/9/2019. Từ ngày 26/9/2019 đến ngày khởi kiện cũng như tính đến ngày xét xử (ngày 05/02/2021) thì ông G, bà M cũng chưa trả được khoản nợ lãi nào cho MB. Như vậy, yêu cầu tính lãi suất (bao gồm lãi và lãi quá hạn) của số nợ mà ông G, bà M đã nợ MB theo mức lãi như hợp đồng đã ký là có căn cứ.

Như vậy, tính đến ngày 05/02/2021, ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M đã nợ và phải trả cho ngân hàng MB số tiền gốc là 1.580.000.000 đồng và lãi 309.182.161 đồng (trong đó, lãi 59.805.815 đồng + lãi quá hạn 249.376.346 đồng), tổng cộng là 1.889.182.161 đồng.

Ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cho vay số 843464.19.342.4929083.TD và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ kể từ ngày 06/02/2021 cho đến khi trả hết nợ.

[2.3] Về tài sản thế chấp: Xét hợp đồng thế chấp số 843485.19.342.4929083.BĐ ngày 18/3/2019 giữa bên thế chấp ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn C với bên nhận thế chấp là Ngân hàng MB và hợp đồng thế chấp số 843552.19.342.4929083.BĐ ngày 18/3/2019 giữa bên thế chấp ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M với bên nhận thế chấp là Ngân hàng MB đều có chữ ký của các bên và đã được công chứng tại tổ chức công chứng có thẩm quyền nên việc thế chấp này là hợp pháp.

Trường hợp ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M thanh toán hết khoản nợ trên cho ngân hàng MB thì ngân hàng có trách nhiệm trả lại: 01 giấy chứng nhận QSD đất số AC 966565 do UBND huyện Krông Năng cấp ngày 03/5/2006 và 01 giấy chứng nhận QSD đất số BG 623945 do UBND huyện Krông Năng cấp ngày 21/6/2011 cho các đương sự.

Nếu ông G, bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng MB thì sau khi bản án có hiệu lực, ngân hàng MB có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án kê biên, phát mãi đối với tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận QSD đất số AC 966565 và số BG 623945 để thu hồi nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn G là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông G.

Bà Phí Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, cụ thể số tiền sau khi đã được tính là 34.337.732 đồng.

Nguyên đơn ngân hàng MB không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào các Điều 299, 463 và 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

1.2. Buộc ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M phải trả cho Ngân hàng Q số tiền 1.889.182.161 đồng (trong đó nợ gốc 1.580.000.000 đồng + nợ lãi tính đến ngày 05/02/2021 là 309.182.161 đồng).

Kể từ ngày 06/02/2021, ông G và bà M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số 843464.19.342.4929083.TD và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 20/3/2019, cho đến khi thanh toán xong nợ.

1.3. Trường hợp ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M thanh toán hết nợ cho ngân hàng MB thì ngân hàng MB có trách nhiệm trả lại: 01 giấy chứng nhận QSD đất số AC 966565 do UBND huyện Krông Năng cấp ngày 03/5/2006 cho hộ ông Nguyễn Văn G và 01 giấy chứng nhận QSD đất số BG 623945 do UBND huyện Krông Năng cấp ngày 21/6/2011 cho ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M.

1.4. Trường hợp ông Nguyễn Văn G, bà Phí Thị M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng MB thì sau khi bản án có hiệu lực, ngân hàng MB có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng kê biên, phát

mãi đối với tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận QSD đất số AC 966565 và số BG 623945 để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn G do là người cao tuổi.

Bà Phí Thị M phải chịu 34.337.732 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng MB số tiền 32.330.000 đồng (do ông Nguyễn Xuân A nộp) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009371 ngày 24/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Cảnh Toàn